

Số: **21** /2022/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 12 tháng 11 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định về nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp thuộc
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 10**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ
phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc
gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp
từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm
nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Thực hiện Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền
vững giai đoạn 2021 - 2025;*

*Xét Tờ trình số 8595/TTr-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về nội dung, mức hỗ trợ phát triển sản xuất nông
nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn
2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

a) Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn tỉnh Nghệ An; người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển tỉnh Nghệ An.

b) Hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

c) Tổ chức và cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nội dung hỗ trợ

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Mức hỗ trợ

1. Mức hỗ trợ chung theo dự án, kế hoạch, phương án phát triển sản xuất nông nghiệp

a) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị

Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia. Mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án tối đa không quá 05 tỷ đồng.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia. Mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, phương án sản xuất tối đa không quá 05 tỷ đồng.

c) Hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ

Mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án tối đa không quá 03 tỷ đồng. Trong đó, tối thiểu 70% phần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước phải được dùng để hỗ trợ các hoạt động phát triển sản xuất liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất của người dân.

2. Mức hỗ trợ cụ thể

Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện các loại dự án, kế hoạch, phương án sản xuất quy định tại Điều 3 Nghị quyết này như sau:

a) Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật và hỗ trợ cán bộ đến tận hộ gia đình: Tối đa 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện dự án, mô hình, kế hoạch, phương án sản xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt tương ứng với từng nguồn vốn. Cụ thể như sau:

- Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định một số mức chi công tác phí, tổ chức hội nghị trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

- Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình tư vấn hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả:

+ Chế độ công tác phí cho cán bộ thực hiện theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND;

+ Hỗ trợ cho cán bộ (ngoài tiền công tác phí theo chế độ quy định): 35.000 đồng/người/buổi thực địa.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo các lĩnh vực (trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp, khai thác ngư nghiệp, nuôi trồng thủy sản, diêm nghiệp): tối đa cụ thể như sau:

- Hộ nghèo: 15 triệu đồng/hộ/dự án, kế hoạch, phương án sản xuất;

- Hộ cận nghèo: 14 triệu đồng/hộ/dự án, kế hoạch, phương án sản xuất;

- Hộ mới thoát nghèo, hộ có người khuyết tật (không có sinh kế ổn định): 13 triệu đồng/hộ/dự án, kế hoạch, phương án sản xuất;

- Người dân sinh sống trên địa bàn các huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển không thuộc các đối tượng trên: 08 triệu đồng/hộ/dự án, kế hoạch, phương án sản xuất.

c) Hỗ trợ xây dựng, quản lý dự án và hỗ trợ khác: Tối đa 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện dự án, mô hình, kế hoạch, phương án sản xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt tương ứng với từng nguồn vốn.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu nêu tại Nghị quyết này để áp dụng được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An Khoá XVIII, Kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 12 tháng 11 năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT





CHỦ TỊCH

Thái Thanh Quý